

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ QUYÊN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số án: 03/2022/HNG-ST

Ngày 17-01-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ QUYÊN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử thẩm sơ:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Bà Phạm Thị Bình

- Thẩm ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thẩm ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Quyển, thành phố Hồ Chí Minh.

- Hội đồng Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Quyển, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Quyển, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2021/TLST-HNG ngày 12 tháng 11 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định của Viện ra xét xử số 78/2021/Q-XXST-HNG ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị V; nơi cư trú: Khu phố, quận N, thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: Thôn 7, xã T, huyện T, tỉnh N; vợ chồng, có con chung xét xử vợ chồng.

- Bị đơn: Anh Võ Văn C; nơi cư trú: Khu phố, quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đang chấp hành án tại số 46, Phân tử số 01, Trại giam P, tỉnh T; vợ chồng, có con chung xét xử vợ chồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình khởi kiện, bản tố cáo, quá trình ghi quy tắc tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị V trình bày:

Vụ quan hệ hôn nhân: Năm 2005, chị Võ Thị V và anh Võ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cùng sống chung với nhau, có tất cả con cái theo

phong tục tập quán và nghi thức hôn thú Ủy ban nhân dân phường Ông Khê, quận Ngô Quyền vào ngày 29/12/2005.

Quá trình chung sống vợ chồng bình thường và kết thúc khi có 01 con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên ra bất hòa. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ năm 2010, chồng về ở nhà mẹ đẻ Thôn 12, xã Trác Thủy, huyện Trác Ninh, tỉnh Nam Định. Từ năm 2015, chồng về mua nhà và sinh sống. Từ năm 2010 đến nay, anh chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Hiện anh chồng vi phạm pháp luật và đang chấp hành án tù giam 46, Phân tử số 01, Trại giam P, tỉnh Thái Nguyên về tội Cố ý gây thương tích. Nay chồng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị chung sống không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho chồng ly hôn với anh C.

- Vợ chồng: Chồng Vợ và anh Vợ có một con chung là Quang H, sinh ngày 27/10/2007. Do anh chồng chấp hành án tù giam 46, Phân tử số 01, Trại giam P, tỉnh Thái Nguyên nên chồng đề nghị Tòa án giao con Quang H cho chồng trực tiếp nuôi. Nghĩ rằng việc nuôi con, chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vợ tài sản chung: Chồng Vợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bản anh Vợ có hiện đang thi hành án tù giam 46, Phân tử số 01, Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên nên trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vợ vắng mặt tại phiên họp công khai chung và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, có mặt trong xét xử vắng mặt và đã có bản khai gửi Tòa án, quan tâm như sau:

- Quan hệ hôn nhân giữa chồng Vợ và anh Vợ kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tất cả các điều kiện. Anh chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ông Khê, quận Ngô Quyền vào khoảng năm 2006. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường không xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2011, anh chồng sống ly thân. Nay anh không đề nghị hòa giải và đăng ký ly hôn với chồng Vợ.

- Vợ chồng: Anh chồng có một con chung là Quang H, sinh ngày 27/10/2007. Do cháu H là con ông bà nội nên đề nghị cho cháu H ở lại gia đình sinh sống, học tập và công việc của ông bà nội chăm sóc. Anh chồng không yêu cầu Vợ nuôi cháu H và anh không đề nghị việc nuôi con.

- Vợ tài sản chung: Chồng Vợ và anh Vợ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên nhân chồng Vợ và bản anh Vợ vắng mặt, có mặt trong xét xử vắng mặt.

Điều kiện Việc Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên nhân kết thúc khi thi lý vụ án cho đến thời

Hội đồng xét xử nghiên cứu án đã xem báo cáo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bản không thể hiện đúng quy định và nghĩa vụ theo điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vấn đề đặt ra để giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 điều 28; điều 35; điều 39; khoản 4 điều 147, điều 207; khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238; điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điều 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, Hội đồng xét xử:

Vấn đề hôn nhân: Chị Võ Thị Vân ly hôn anh Võ Văn C.

Vấn đề con chung: Chị Võ Thị Vân và anh Võ Văn C có một con chung là Quang H, sinh ngày 27/10/2007. Giao con Quang H cho chị Võ Thị Vân trực tiếp nuôi dưỡng khi mẹ con 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Võ Thị Vân không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Vấn đề tài sản chung: Chị Võ Thị Vân không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vấn đề án phí: Chị Võ Thị Vân phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHÂN NHẬN ÁN CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã xem xét tra tích phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bản anh Võ Văn C ký hợp đồng thuê nhà và trực tiếp khi thi hành án phạt tù cư trú tại phường..., quận N, thành phố Hồ Chí Minh nên thu cước thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của các đương sự:

[2] Tại phiên tòa, nguyên nhân chị Võ Thị Vân vắng mặt, có mặt nghiên cứu xét xử vắng mặt, bản anh Võ Văn C vắng mặt, có mặt nghiên cứu xét xử vắng mặt do anh đang thi hành án tại điều 46, Phân tử số 01, Trại giam P, tỉnh Thái Nguyên nên

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vụ婚姻家庭 nguyên nhân, bản án theo quy định của pháp luật dân sự.

- Xét vụ nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị V Thị V và anh V n C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ông Khê, quận Ngô Quyền vào ngày 29/12/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Căn cứ vào lời khai của nguyên nhân, bản án, lời khai của người làm chứng và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau về tính cách, bản tính quan hệ sống. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do anh C vi phạm pháp luật về tội Cố ý gây thương tích và hiếp dâm thi hành án tại Điều 46, Phân tích 01, Trích giám định pháp y Thái Nguyên. Từ năm 2011 đến nay, anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh C đã trở nên trầm trọng, sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V Thị V.

+ Về việc nuôi con:

[5] Chị V Thị V và anh V n C có một con chung là Quang H, sinh ngày 27/10/2007. Nguyên nhân chị V Thị V nhờ Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng bản thân anh V n C không đồng ý và nhờ Tòa án giao con chung cho ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh V n C đang thi hành án tại Điều 46, Phân tích 01, Trích giám định pháp y Thái Nguyên nên không có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Mặc dù cháu H có nguyện vọng sống với ông bà nội và anh C nhờ giao con chung cho ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng do cháu H thừa hưởng di sản của ông bà. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cháu thành niên; trẻ em hợp pháp cha mẹ không thể nhận được quyền trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi tốt nhất của con. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xin: Giao con Quang H cho chị V Thị V trực tiếp nuôi cho đến khi con 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế của các bên và đảm bảo lợi ích của con chung. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị V Thị V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét ghi quyết.

+ V vi c chia tài s n:

[6] Ch V và anh C không yêu c u nên H i ng xét x không xem xét gi i quy t.

- V án phí:

[7] C n c kho n 4 i u 147 B lu t t t ng dân s ; i m a kho n 5 i u 27 Ngh quy t s 326/2016/UBTVQH14 quy nh v m c thu, mi n, gi m, thu, n p, qu n lý và s d ng án phí và l phí Tòa án ngày 30/12/2016 c a y ban th ng v Qu c h i khóa 14, ch V Th V ph i ch u 300.000 ng án phí dân s s th m.

- V quy n kháng cáo:

[8] Các ng s c quy n kháng cáo b n án theo quy nh c a pháp lu t.

Vì các l trên,

QUY T NH:

C n c vào kho n 1 i u 51; kho n 1 i u 56; các i u 58, 81, 82, 83 c a Lu t Hôn nhân và gia ình;

C n c vào kho n 1 i u 28; i m a kho n 1 i u 35; i m a kho n 1 i u 39; kho n 4 i u 147; i u 207; kho n 1 i u 227; kho n 1 i u 228; i u 238; i u 273 c a B lu t T t ng dân s ;

C n c i m a kho n 5 i u 27 Ngh quy t s 326/2016/UBTVQH14 quy nh v m c thu, mi n, gi m, thu, n p, qu n lý và s d ng án phí và l phí Tòa án ngày 30/12/2016 c a y ban th ng v Qu c h i khóa 14;

X :

1. V quan h hôn nhân: Ch V Th V c ly hôn anh V n C.

2. V con chung: Ch V Th V và anh V n C có m t con chung là Quang H, sinh ngày 27/10/2007. Giao con Quang H cho ch V Th V tr c ti p nuôi cho n khi m i con 18 tu i ho c có s thay i khác theo quy nh c a pháp lu t. Ngh a v c p d ng nuôi con ch V Th V không yêu c u nên Tòa án không xem xét, gi i quy t.

Sau khi ly hôn, ng i không tr c ti p nuôi con có quy n, ngh a v th m nom con mà không ai c c n tr .

3. V tài s n chung: Ch V Th V không yêu c u nên H i ng xét x không xem xét gi i quy t.

4. V án phí: Ch V Th V ph i n p 300.000 ng án phí dân s s th m nh ng c tr vào s ti n t m ng án phí dân s s th m ã n p là 300.000 ng

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006551 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chi Vãn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quy định kháng cáo và biện án:

Nguyên nhân của V Th V, biện án V n C c quy định kháng cáo biện án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được biện án hoặc biện án có niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp biện án có thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nghị quyết thi hành án dân sự, nghị quyết thi hành án dân sự có quy định thẩm quyền thi hành án, quy định yêu cầu thi hành án, tài sản thi hành án hoặc biện pháp thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án có thể hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

N i nh n:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Ông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (KKH ngày 29/12/2005);
- Ông S ;
- Luật: VT, hình sự án.

**TM. HỘI NG XÉT X S TH M
TH M PHÁN - CH T A PHIÊN TÒA**

Ph m Trung D ng

6. Trường hợp biện án có thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nghị quyết thi hành án dân sự, nghị quyết thi hành án dân sự có quy định thẩm quyền thi hành án, quy định yêu cầu thi hành án, tài sản thi hành án hoặc biện pháp thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án có thể hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI NGƯỜI XÉT X

THẨM PHÁN-CHỨC TÁ PHIÊN TÒA

Phạm Trung Dũng